

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm 02 trang)

Mã đề 601

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Hãy ghi lại vào bài làm chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1: Chọn câu đúng:

- A. $-19 \in \mathbb{Z}$ B. $9 \notin \mathbb{N}$ C. $-9 \in \mathbb{N}$ D. $-6 \in \mathbb{N}$

Câu 2: Kết quả phép tính $5^4 : 5^3$ là:

- A. 5^7 B. 5^4 C. 1 D. 5

Câu 3: Khẳng định nào sau đây sai?

- A. Số đối của 10 là -10 B. Số đối của -2023 là 2023
C. Số đối của 15 là $+15$ D. Số đối của 0 là 0

Câu 4: Kết quả phân tích số 60 ra tích các thừa số nguyên tố là:

- A. 6.10 B. $2.3.5$ C. 12.5 D. $2^2.3.5$

Câu 5: Trong các số nguyên sau: -2020 ; 2021 ; 0 ; -3 . Số nguyên dương là:

- A. -2020 B. 2021 C. 0 D. -3

Câu 6: Trong các số sau đây, hợp số là:

- A. 2 B. 105 C. 29 D. 17

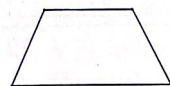
Câu 7: Tập hợp số nguyên bao gồm

- A. Các số nguyên âm và các số nguyên dương.
B. Số 0 và các số nguyên dương.
C. Các số nguyên âm và số 0.
D. Các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương.

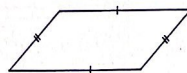
Câu 8: Phép chia $17:5$ có thương và số dư lần lượt là:

- A. 3; 2. B. 2; 3. C. 4; 3. D. 4; 2.

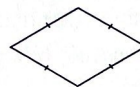
Câu 9: Trong các hình dưới đây, hình nào là hình thoi?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



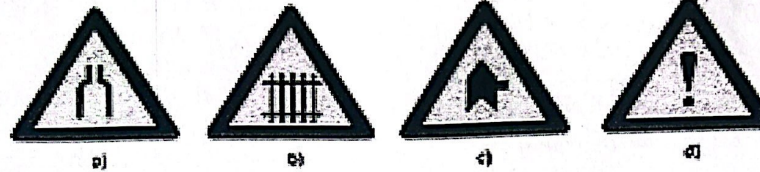
Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 10: Hình bình hành có độ dài một cạnh là 10cm, chiều cao tương ứng là 6cm. Tính diện tích hình bình hành đó?

- A. $60cm$ B. $30cm^2$ C. $60cm^2$ D. $30cm$

Câu 11: Hình nào sau đây không có đối xứng trục :



A. Hình a

B. Hình b

C. Hình c

D. Hình d

Câu 12: Đặc điểm nào sau đây không phải của hình vuông?

A. Bốn cạnh bằng nhau

B. Bốn góc bằng nhau và bằng 120°

C. Bốn góc bằng nhau và bằng 90°

D. Hai đường chéo bằng nhau

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $(-365) + 75 + 365$

b) $52.76 + 52.24$

c) $407 - [(190 - 170) : 2^2 + 3^2] : 2$

Bài 2: (2 điểm) Tìm số nguyên x , biết:

a) $x + 23 = 30$

b) $18 + (x + 14) : 3 = 27$

c) $2 + 3^x = 29$

d) $(x + 2) \cdot (x - 3) = 0$

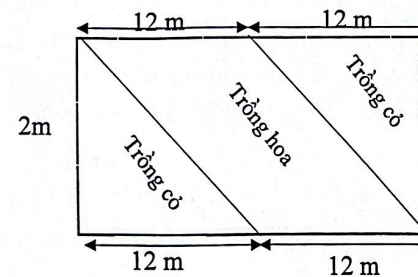
Bài 3: (1 điểm) Khối 6 của một trường THCS có từ 300 đến 400 học sinh, khi xếp thành hàng 12, hàng 15, hàng 18 đều vừa đủ hàng. Hỏi số học sinh khối 6 của trường đó là bao nhiêu em?

Bài 4: (2 điểm)

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là 24m, chiều rộng 20m. Người ta chia mảnh đất thành hai khu, một khu trồng hoa và một khu trồng cỏ. Hoa sẽ trồng trong khu vực hình bình hành và cỏ trồng ở phần đất còn lại (như hình vẽ bên).

a) Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật.

b) Tính số tiền cần trả để trồng cỏ, biết giá mỗi mét vuông trồng cỏ là 30 000 đồng?



Bài 5: (0,5 điểm)

Chúng tỏ rằng: $5a + 2$ và $7a + 3$ cũng là hai số nguyên tố cùng nhau.

____Chúc các em làm bài tốt____

PEOPLE COMMITTEE OF LONG BIEN DISTRICT

AI MO SECONDARY SCHOOL

School year 2023-2024

(The test consists of 04 pages)

THE FIRST TERM TEST

SUBJECT: ENGLISH 6

Date: December 27th, 2023

(Time allowed: 60 minutes)

Full name: Class: CODE 601

Listen to the conversation between Khang and Vy and choose the best answer

Question 1. Where does Vy live?

A. in the center of Ho Chi Minh City.

B. in the suburbs of Ha Noi City.

C. in the center of Ha Noi City.

D. in the suburbs of Ho Chi Minh City

Question 2. What are the streets in her neighborhood like?

A. clean

B. wide

C. big

D. narrow

Question 3. What does she like about her neighborhood?

A. The streets are noisy and crowded.

B. The air isn't clean.

C. The schools are too faraway.

D. There is a big market near her house.

Question 4. How are the people here?

A. helpful and friendly

B. noisy

C. dirty

D. peaceful

Question 5. Are there any factories near her neighborhood?

A. Yes, there have

B. Yes, there are

C. No, there aren't

D. No, they don't

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions.

Question 6. The chair is in front of the cat.

A. The cat is under the chair.

B. The cat is on the chair.

C. The cat is next to the chair.

D. The cat is behind the chair.

Question 7. My exam results are worse than her exam results.

A. Her exam results are gooder than my exam results.

B. Her exam results are worse than my exam results.

C. Her exam results are better than my exam results.

D. Her exam results are more good than my exam results.

Question 8. Tom has a new pen and it's in his bag.

A. Tom doesn't have any pens.

B. Tom's new pen is in his bag.

C. Tom has some bags.

D. Tom has a new pen.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 9. Mary always gets up early. She _____ for school every day.

A. never is late

B. is late never

C. late never is

D. is never late

Question 10. Mary: "Let's go for a picnic this Sunday."

John: "_____"

A. That's a good idea.

B. Nice to meet you.

C. I don't think so.

D. Thank you. I'm fine.

Question 11. Look! Lan and Mai _____.

A. come

B. are coming

C. comes

D. are comeing

Question 12. Would you like _____ hot milk for breakfast?

A. some

B. an

C. any

D. a

Question 13. Mary: “ _____ ”

Jane: “ Take the first turning on the right. It’s on your left.”

- A. I want to go to a supermarket to buy some bread.
- B. What is the nearest supermarket?
- C. Can you tell me the way to the nearest supermarket?
- D. I don’t know any supermarket near hear.

Question 14. My glasses _____ on the shelf . _____ are in white next to.

- A. is / Her
- B. is / Hers
- C. are/ Hers
- D. are / Her

Question 15. Your foot hurts. You must put a _____ on your foot .

- A. watch
- B. suncream
- C. map
- D. plaster

Question 16. There is a big bookstore _____ to my school.

- A. on
- B. next
- C. near
- D. under

Question 17. Cities are _____ than countries.

- A. noisy
- B. more noisy
- C. noisier
- D. noisyer

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 18 to 22.

Phu Quoc is a very beautiful island in Viet Nam. It is in Kien Giang. It has beautiful beaches and green forests. It also has resorts, hotels, and bars. The people here are friendly. Phu Quoc has an international airport, and travelling there is easy. Tourists can visit fishing villages, national parks, pagodas and temples. They also like to eat the seafood here. It is delicious. Sailing and fishing are popular water sports. You can buy interesting things at the markets on the island.

Question 18. Where is Phu Quoc?

- A. in Ho Chi Minh city
- B. in Ha Noi
- C. in Kien Giang
- D. in Huc

Question 19. Why is it easy to travel to Phu Quoc ?

- A. Because there are many beaches and forests.
- B. Because there are many shops.
- C. Because the traffic is busy.
- D. Because there is an international airport.

Question 20. What are the beaches in Phu Quoc like?

- A. large and quiet
- B. fresh and noisy
- C. beautiful
- D. wide and clean

Question 21. The word “it” refers to _____.

- A. pagodas
- B. villages
- C. seafood
- D. temples

Question 22. Do people sell interesting things at the markets on the island?

- A. Yes , they are
- B. No, they aren’t
- C. Yes, they do
- D. No, they don’t

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 23. My friend often does her homework after school. She’s very hard-working.

- A. creative
- B. lazy
- C. funny
- D. careful

Question 24. The streets in this city are narrower than the streets in my city.

- A. thinner
- B. wider
- C. cheaper
- D. smaller

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to choose the word or phrase that best suitable each other numbered blanks.

MY BEST FRIEND

Linda is my best friend. She (25) _____ in a small house. She is tall and thin. She (26) _____ long black hair. We are (27) _____ the same class. She likes getting up early and (28) _____ morning exercise in our garden. She is (29) _____. She always helps me with my homework. She also listens to me when I’m sad. I love her very much.

- | | | | |
|--------------------------|-----------|-----------|----------|
| Question 25. A. to live | B. lives | C. living | D. live |
| Question 26. A. is | B. have | C. are | D. has |
| Question 27. A. on | B. from | C. in | D. with |
| Question 28. A. playing | B. making | C. taking | D. doing |
| Question 29. A. creative | B. kind | C. funny | D. smart |

Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part differs from the three in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | |
|-------------------------------|-----------------|------------------|-----------------|
| Question 30. A. <u>drives</u> | B. <u>makes</u> | C. <u>writes</u> | D. <u>takes</u> |
| Question 31. A. <u>beach</u> | B. <u>clean</u> | C. <u>cheap</u> | D. <u>great</u> |

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following questions.

- Question 32. Ha Long Bay is famous for its beautiful islands .
 A. remember B. enjoy C. forget D. well known
- Question 33. I think this exercise is difficult for you to do.
 A. hard B. funny C. helpful D. easy

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

- Question 34. Each classroom in this school have one projector and one computer.
 A. in B. and C. Each D. have
- Question 35. Linda is tall and thin with a short curly hair.
 A. is B. and C. a D. with
- Question 36. It is very dry area. There isn't many rain in summer.
 A. many B. is C. in D. area

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word which differs from the other three in the position of the primary stress in each of the following questions.

- Question 37. A. suburb B. city C. museum D. market
- Question 38. A. across B. between C. under D. behind

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the most meaningful sentence from the words given

- Question 39. You/ must /put / warm clothes/ it/ cold/ outside/.
 A. You must putting on warm clothes when it is cold outside.
 B. You must to put on warm clothes when it is cold outside.
 C. You must put on warm clothes when it is cold outside.
 D. You must puts on warm clothes when it is cold outside.
- Question 40. We/not/ study / English / Monday / Friday/.
 A. We are not study English on Monday and Friday.
 B. We does not study English on Monday and Friday.
 C. We not study English on Monday and Friday.
 D. We do not study English on Monday and Friday.

— THE END —

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ
Năm học 2023 – 2024
(Đề thi gồm 02 trang)

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 6
Thời gian: 90 phút
Ngày thi: 21/12/2023

MÃ ĐỀ 601

Phần I (5.0 điểm): Đọc hiểu

Đọc văn bản sau:

*Bao nhiêu khổ nhọc cam go
Đời cha chờ nặng chuyển đồ gian nan!
Nhưng chưa một tiếng thở than
Mong cho con khỏe, con ngoan vui rồi.
Cha như biển rộng, mây trời
Bao la nghĩa nặng đời đời con mang!*

(Ngày của Cha- Phan Thanh Tùng)

Trả lời các câu hỏi bằng cách ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng/ thực hiện yêu cầu

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát.
- B. Thơ song thất lục bát.
- C. Thơ tự do.
- D. Thơ sáu chữ.

Câu 2. Chủ đề của đoạn thơ là gì?

- A. Tình cảm gia đình.
- B. Tình yêu quê hương đất nước.
- C. Tình yêu thiên nhiên.
- D. Tình phụ tử.

Câu 3. Dòng nào sau đây nói **đúng** về cấu trúc thơ lục bát?

- A. Thể thơ lục bát là thể thơ của dân tộc Việt Nam đã có mặt từ lâu đời.
- B. Thể thơ dân gian gồm nhiều cặp câu thơ kết lại tạo nên một bài thơ hoàn chỉnh.
- C. Thể thơ gồm một câu lục xen một câu bát, kết thúc ở câu bát, không hạn định số câu.
- D. Thể thơ lục bát được tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau.

Câu 4. Cụm từ “*một tiếng thở than*”, là cụm danh từ đúng hay sai ?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 5. Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?

*Bao nhiêu khổ nhọc cam go
Đời cha chờ nặng chuyển đồ gian nan!*

- A. So sánh B. Ẩn dụ C. Hoán dụ D. Nhân hóa

Câu 6. Từ “gian nan” trong câu thơ trên có nghĩa là gì?

- A. Gian truân.
B. Gian khó.
C. Gian lao
D. Khó khăn, gian khổ.

Câu 7. Đoạn thơ trên gửi đến chúng ta thông điệp gì?

- A. Người cha có công lao rất lớn, luôn yêu thương, hi sinh, mong con được sống thật tốt nên người con phải biết kính trọng, yêu quý, báo đáp lại công lao của người cha.
B. Người cha mong muốn con sống tốt, dành hết tình yêu thương cho đứa con của mình, ca ngợi, đề cao tình cảm bao la của người cha dành cho con.
C. Người cha mong con luôn sống ngoan, vui khỏe, sẵn sàng gánh hết những khó khăn cho con, thể hiện tình yêu thương cha-con trong cuộc đời của mỗi người.
D. Người cha luôn quan tâm con, luôn yêu thương và mong con sống tốt, nên người, lên án những người con bất hiếu với cha mình.

Câu 8. Theo tác giả, trong đoạn thơ, người cha “*Bao nhiêu khổ nhọc cam go*”, nhưng chỉ mong điều gì?

- A. Mong cho con khỏe
B. Mong cho con ngoan
C. Mong cho con khỏe, con ngoan
D. Mong cho con tốt

Câu 9:

- a. Ghi lại 2 láy, 2 từ ghép trong bài thơ trên.
b. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:

Cha như biển rộng, mây trời

Câu 10: Từ đoạn thơ trên, em cần làm gì về bản phận làm con của mình để thể hiện tình yêu thương đối với cha mẹ?

II. VIẾT (4,0 điểm):

Trong cuộc sống, chắc hẳn em đã từng có rất nhiều trải nghiệm thú vị để lại trong em nhiều ấn tượng khó quên. Hãy viết bài văn kể lại trải nghiệm đáng nhớ đó.

-----Hết-----

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5 điểm)

Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

I. Phân môn Lịch sử

Câu 1. Nền tảng kinh tế của các quốc gia Hy Lạp và La Mã cổ đại là

- A. mậu dịch hàng hải. B. thủ công nghiệp hàng hóa.
C. nông nghiệp trồng lúa nước. D. thủ công nghiệp và thương nghiệp.

Câu 2. Chữ viết nào được sử dụng phổ biến nhất ở Ấn Độ cổ đại?

- A. Chữ Ka-na. B. Chữ Hán. C. Chữ La-tinh. D. Chữ Phạn.

Câu 3. Con sông gắn liền với nền văn hóa khởi nguồn của Ấn Độ là sông:

- A. Hằng. B. Gô-đa-va-ri. C. Ấn. D. Na-ma-da.

Câu 4. Sau khi vào Ấn Độ, người A-ri-a đã thiết lập chế độ xã hội gì?

- A. quân chủ chuyên chế. B. đẳng cấp Vác-na.
C. phân biệt tôn giáo. D. cộng hòa quý tộc.

Câu 5. Truyền thuyết “Con rồng cháu tiên” thuộc nguồn tư liệu lịch sử nào?

- A. Tư liệu gốc. B. Tư liệu hiện vật.
C. Tư liệu truyền miệng. D. Tư liệu chữ viết.

Câu 6. Cơ quan quyền lực cao nhất của A-ten là:

- A. Hội đồng 500. B. Toà án 6000 người.
C. Hội đồng 10 tướng lĩnh. D. Đại hội nhân dân.

Câu 7. Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất của Hy Lạp cổ đại?

- A. Nhà hát Đê-ô-ni-xốt. B. Tòa thành Acropolis
C. Đền Pác-tê-nông. D. Đền A-tê-na.

Câu 8. Chế độ phong kiến Trung Quốc được bước đầu được hình thành dưới thời:

- A. Tần. B. Tấn. C. Tùy. D. Hán.

Câu 9. Ở Ai Cập, người đứng đầu nhà nước được gọi là:

- A. Thiên hoàng. B. Pha-ra-ông. C. Thiên tử. D. En-xi.

Câu 10. Cư dân ở quốc gia cổ đại nào dưới đây đã sáng tạo ra chữ số 0?

- A. Hi Lạp. B. Ấn Độ. C. Ai Cập. D. Luống Hà.

II. Phân môn Địa lí

Câu 11. Đầu là nhận xét đúng về độ dài ngày và đêm ở xích đạo.

- A. Ở xích đạo thời gian ban ngày dài hơn thời gian ban đêm.
B. Luôn bằng nhau
C. Ngày và đêm ở xích đạo chỉ bằng nhau vào ngày 21/3 và 23/9
D. Ngày và đêm ở xích đạo chỉ bằng nhau vào ngày 22/6 và 22/12

Câu 12. Dạng địa hình nào dưới đây do quá trình nội sinh tạo nên?

- A. Cồn cát ven biển B. Hang động đá vôi.
C. Đồng bằng ven biển D. Núi lửa

Câu 13. Việt Nam nằm trong địa mảng nào?

- A. Mảng Thái Bình Dương B. Mảng Á-Âu
C. Mảng Ấn Độ - Ô-xtrây-li-a D. Mảng Phi

Câu 14. Các địa mảng trong lớp vỏ Trái đất có đặc điểm nào?

- A. Di chuyển rất chậm theo hướng xô hoặc tách xa nhau.
B. Mảng lục địa di chuyển còn mảng đại dương cố định.
C. Cố định vị trí tại một chỗ ở Xích đạo và hai vùng cực.
D. Di chuyển nhanh ở nửa cầu Bắc và chậm ở nửa cầu Nam

Câu 15. Núi lửa và động đất là hệ quả của:

- A. Sự di chuyển của các địa mảng.

- B. Lực Cô-ri-ô-lit.
- C. Sự chuyển động của Trái đất quanh trục.
- D. Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt trời.

Câu 16. Bán cầu Nam của Trái Đất ngả nhiều nhất về phía Mặt Trời vào ngày nào?

- A. 23/9
- B. 21/3
- C. 22/12
- D. 22/6

Câu 17. Tác động của ngoại sinh là gì?

- A. Làm xảy ra động đất, núi lửa.
- B. Làm di chuyển các mảng kiến tạo.
- C. Tạo nên sông, núi.
- D. Làm hạ thấp địa hình và tạo ra các dạng địa hình mới.

Câu 18. Quá trình nội sinh xảy ra ở đâu?

- A. Xảy ra trong lòng Trái đất.
- B. Xảy ra bên ngoài, trên bề mặt Trái đất.
- C. Chỉ xảy ra ở trên các đồi núi cao.
- D. Xảy ra ở lớp nước trên mặt đất.

Câu 19. Trong quá trình chuyển động tự quay và chuyển động quanh mặt trời, trục Trái Đất có đặc điểm là:

- A. Luôn giữ nguyên độ nghiêng và không đổi hướng.
- B. Hướng nghiêng và độ nghiêng thay đổi theo mùa.
- C. Luôn giữ hướng nghiêng nhưng độ nghiêng thay đổi.
- D. Luôn tự điều chỉnh hướng nghiêng cho phù hợp.

Câu 20. Khi bán cầu Bắc ngả về phía mặt trời, thì ở Việt Nam sẽ là mùa nào trong năm?

- A. Mùa thu
- B. Mùa hè
- C. Mùa xuân
- D. Mùa đông

B. PHÂN TỰ LUẬN (5 điểm)

I. Phân môn Lịch sử

Câu 1 (1 điểm): Trình bày tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

Câu 2 (1 điểm): Hãy xây dựng trục thời gian từ thời nhà Hán đến thời nhà Tùy?

Câu 3 (0.5 điểm): Theo em, thành tựu văn hóa nào của Hy Lạp, La Mã cổ đại còn được bảo tồn đến ngày nay?

II. Phân môn Địa lí

Câu 4. (1 điểm) Trình bày đặc điểm của quá trình nội sinh (nguồn gốc, tác động đến địa hình, đối tượng tác động)

Câu 5. (1 điểm) Khi 2 địa mảng xô vào nhau thì sẽ tạo ra hiện tượng gì? Nêu ví dụ cụ thể?

Câu 6. (0.5 điểm) Khu vực tập trung nhiều núi lửa nhất trên thế giới nằm ở đâu? Hãy kể tên một số quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng của hoạt động động đất và núi lửa trên thế giới?

Chúc các con làm bài tốt!

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm):

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Một trong những biểu hiện của tính tự lập là

- A. Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại vào người khác.
- B. Tìm mọi thủ đoạn để mình được thành công.
- C. Luôn dựa vào người khác, nếu mình có thể nhờ được.
- D. Dựa dẫm vào gia đình để vươn lên trong cuộc sống.

Câu 2. Câu tục ngữ: “Một lần bất tín, vạn lần bất tin” ý nói về một người

- A. Thờ ơ, hời hợt với người khác.
- B. Được người khác tin tưởng.
- C. Luôn được người khác tôn trọng
- D. Không được người khác tin nữa.

Câu 3. Bạn H trên đường đi học về đã nhặt được một chiếc ví, trong đó có rất nhiều tiền và giấy tờ. Bạn đã mang đến đồn công an gần nhất để trình báo và trả lại người đánh mất. Việc làm của bạn H thể hiện bạn là người

- A. thích thể hiện bản thân.
- B. rất tốt, sống thật thà.
- C. có đức tính tiết kiệm.
- D. giản dị, không đua đòi.

Câu 4. Mỗi buổi tối, cứ ăn cơm xong là bạn H giúp mẹ dọn dẹp, rửa bát sau đó lấy sách vở ra học bài. Việc làm đó của H thể hiện điều gì?

- A. H là người tự tin.
- B. H là người tự ti.
- C. H là người ỷ lại.
- D. H là người tự lập.

Câu 5. Việc đánh giá thấp bản thân mình sẽ làm cho nhiều người trở nên

- A. thẹn thùng, e lệ.
- B. khiêm tốn, nhường nhịn.
- C. tự ti và mặc cảm.
- D. tự cao, tự đại.

Câu 6. Hành vi nào dưới đây thể hiện việc tự nhận thức của bản thân?

- A. L không bao giờ hỏi cô giáo về bài học mình băn khoăn.
- B. A tham gia lớp học múa vì mẹ, chứ không phải do mình thích.
- C. B thường tỏ ra khó chịu và không quan tâm đến nhưng điều các bạn góp ý.
- D. T luôn cởi mở, biết lắng nghe người khác góp ý kiến cho mình.

Câu 7. Hành vi nào dưới đây thể hiện sự tôn trọng sự thật?

- A. Tránh tham gia vào những việc không liên quan đến mình
- B. Làm mọi việc theo số đông
- C. Chỉ làm những việc mà mình thích
- D. Phê phán những việc làm sai trái

Câu 8. Tự nhận thức đúng về bản thân không phải là điều dễ dàng mà cần phải:

- A. qua rèn luyện.
- B. có sự lựa chọn đúng đắn.
- C. qua nhiều biến cố.
- D. có quyết định đúng đắn.

Câu 9. Để tự nhận thức về bản thân, mỗi người cần phải:

- A. Không tham gia các hoạt động xã hội.
- B. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội.
- C. Luôn dựa vào người khác để làm việc
- D. Luôn ỷ lại công việc vào anh chị làm giúp.

Câu 10. Câu tục ngữ: “Cây vạy hay ghét mực tàu”, nói về nội dung sống

- A. giản dị, chăm chỉ.
- B. khiêm tốn, siêng năng.
- C. giả dối và thật thà.
- D. tiết kiệm, khiêm tốn.

Câu 11. Cá nhân biết nhận thức đúng đắn bản thân mình sẽ giúp mỗi người:

- A. Nản lòng trong cuộc sống
- B. Bị mọi người trù giập, ghét bỏ.

- C. Biết lươn lách làm việc xấu. D. Nhận ra điểm mạnh của chính mình.
- Câu 12.** Đối lập với tôn trọng sự thật là
A. Giả dối. B. Ý lại. C. Siêng năng. D. Trung thực.
- Câu 13.** Ý kiến nào sau đây là đúng khi nói về ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật?
A. Tránh nhầm lẫn, oan sai xảy ra. B. Sự thật luôn làm đau lòng người.
C. Thường làm mất lòng người khác. D. Người nói thật sẽ bị kẻ xấu trả thù.
- Câu 14.** Ý kiến nào dưới đây KHÔNG đúng khi nói về tính tự lập?
A. Tính tự lập chỉ cần thiết đối với những người có hoàn cảnh khó khăn.
B. Tính tự lập giúp thành công trong cuộc sống và được sự tôn trọng của mọi người.
C. Tính tự lập sẽ giúp cho mỗi người có thêm sức mạnh, sự tự tin và khả năng sáng tạo
D. Người tự lập thường thành công trong cuộc sống dù phải trải qua nhiều khó khăn.
- Câu 15.** Những gì có thật trong cuộc sống hiện thực và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống được gọi là?
A. Liêm si. B. Công bằng. C. Sự thật. D. Khiêm tốn.
- Câu 16.** Câu tục ngữ: “Nước lã mà vã nên hồ/ Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.” nói đến điều gì?
A. Trung thực. B. Tiết kiệm. C. Tự lập. D. Đoàn kết.
- Câu 17.** Cô giáo giao nhiệm vụ làm việc nhóm nhưng S không tự giác làm việc của mình được phân công mà luôn trông chờ, ý lại vào các bạn. Việc làm này của S chưa thể hiện đức tính gì sau đây?
A. Khiêm tốn. B. Tự lập. C. Tự do. D. Tự tin.
- Câu 18.** Việc làm nào dưới đây KHÔNG thể hiện tính tự lập?
A. Nhà có người giúp việc nhưng Minh vẫn tự dọn dẹp phòng ngủ của mình.
B. Tuy nhà ở gần trường nhưng Giang vẫn đòi bố mẹ đưa đi học.
C. Trong hoạt động của lớp, Nam vẫn luôn cố gắng tự mình hoàn thành các công việc được giao.
D. Hiền chỉ tham khảo đáp án sau khi đã tự mình giải xong bài tập.
- Câu 19.** Sau mỗi lần cô giáo trả bài kiểm tra, A thường dành thời gian so sánh, đối chiếu với bài của các bạn được điểm cao để tìm ra những điểm chưa đúng, chưa hay và nhờ các bạn giải thích những điều mà A chưa hiểu. Việc làm này thể hiện A là người
A. Chú ý đến điểm số. B. Mặc cảm với bản thân.
C. Tự nhận thức bản thân. D. Dựa dẫm vào người khác.
- Câu 20.** Để học cách tự lập theo em cần phải làm gì?
A. Làm những việc vừa sức với mình. B. Trông chờ vào may rủi.
C. Chép bài trong giờ kiểm tra. D. Sống biệt lập, chỉ biết đến mình.

II. TỰ LUẬN (5 điểm):

Câu 1: (2 điểm) Tự lập là gì? Tự lập có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống? Nêu 2 biểu hiện của tính tự lập.

Câu 2: (2 điểm) Nguyên và Khôi học cùng lớp với nhau. Vừa rồi, Nguyên xin mẹ tiền đóng học phí nhưng lại dùng số tiền đó để la cà ăn vặt sau mỗi giờ tan học. Khôi biết chuyện này do tình cờ nghe Nguyên nói chuyện với một bạn khác trong lớp. Khi cô giáo hỏi Nguyên: “Tại sao em chưa đóng học phí?”, Nguyên đã trả lời với cô giáo rằng mình đã đánh rơi số tiền ấy.

a. Theo em, việc làm của bạn Nguyên là đúng hay sai? Tại sao?

b. Nếu là Khôi, em sẽ làm gì trong trường hợp này?

Câu 3: (1 điểm) Em sẽ làm gì để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân?

---Chúc các con thi tốt!---

(Học sinh làm bài ra giấy kiểm tra)

I- TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Hãy ghi vào giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Yếu tố nào sau đây không phải là các tác nhân hoá học gây ô nhiễm môi trường?

- A. Lạm dụng thuốc diệt cỏ trong bảo vệ cây trồng
- B. Các tiếng ồn quá mức do xe cộ và các phương tiện giao thông khác
- C. Các khí thải từ các nhà máy công nghiệp
- D. Dùng quá nhiều thuốc trừ sâu so với nhu cầu cần thiết trên đồng ruộng

Câu 2: Ai là người có thẩm quyền công nhận gia đình văn hóa tại các xã, phường, thị trấn?

- A. Chủ tịch UBND tỉnh.
- B. Trưởng công an xã, phường, thị trấn.
- C. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.
- D. Chủ tịch UBND huyện.

Câu 3: Chọn câu sai trong các câu sau:

- A. Con người hoàn toàn có khả năng hạn chế ô nhiễm môi trường.
- B. Phải góp phần bảo vệ môi trường sống cho chính mình và cho các thế hệ mai sau.
- C. Nâng cao ý thức của con người trong việc phòng chống ô nhiễm môi trường
- D. Con người không có khả năng hạn chế ô nhiễm môi trường.

Câu 4: Sử dụng phân bón hóa học cần đảm bảo quy tắc nào?

- A. 1 đúng
- B. 2 đúng
- C. 3 đúng
- D. 4 đúng

Câu 5: Ô nhiễm môi trường có ảnh hưởng gì đến con người em hãy tìm đáp án sai?

- A. Gây bệnh cho con người: viêm mũi, viêm đường hô hấp..
- B. Nguyên nhân gây mưa axit, biến đổi khí hậu...gây suy thoái cấu trúc loài
- C. Cuộc sống tươi đẹp hơn.
- D. Tác động đến hệ sinh thái

Câu 6: Biện pháp nào không thân thiện môi trường ?

- A. Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ.
- B. Sử dụng thuốc trừ sâu
- C. Sử dụng thiên địch
- D. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học

Câu 7: Hiện tượng nào sau đây không gây ô nhiễm môi trường?

- A. Khí thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt.
- B. Nước thải công nghiệp
- C. Tiếng ồn của các loại động cơ.
- D. Trồng rau sạch, sử dụng phân vi sinh.

Câu 8: Gia đình văn hóa là gia đình không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hòa thuận
- B. Không chấp hành nội quy nơi cư trú
- C. Đoàn kết với mọi người
- D. Hạnh phúc, chan hòa với mọi người

Câu 9: Đâu không phải là ý nghĩa của gia đình:

- A. Chỉ là tên gọi của nhóm người
- B. Là tổ ấm nuôi dưỡng con người.
- C. Góp phần làm cho xã hội ổn định.
- D. Gia đình văn minh thì xã hội mới tiến bộ

Câu 10: Hành vi nào không đúng khi xây dựng gia đình văn hóa?

- A. Là chủ tịch xã, Ông H luôn bao che cho con mình để đạt thành tích gia đình văn hóa
- B. Ông H luôn chăm lo cho gia đình chu đáo, với mọi người Ông có thái độ hòa nhã
- C. Ông B dạy dỗ các con luôn sống giúp đỡ mọi người, không làm những việc sai trái
- D. Gia đình Ông B luôn giúp đỡ mọi người lúc khó khăn

Câu 11: Các khí thải trong không khí chủ yếu có nguồn gốc từ đâu?

- A. Hoạt động hô hấp của động vật và con người.
- B. Quá trình đốt cháy các nhiên liệu.
- C. Hoạt động quang hợp của cây xanh.
- D. Quá trình phân giải xác hữu cơ của vi khuẩn.

Câu 12: Việc làm nào của học sinh không góp phần xây dựng gia đình văn hóa?

- A. Không ăn chơi đua đòi.
- B. Chăm ngoan, học giỏi.
- C. Lười luyện tập thể dục
- D. Kính trọng, giúp đỡ ông bà.

Câu 13: Để xây dựng gia đình văn hoá mỗi người trong gia đình cần phải làm gì? Em hãy tìm câu trả lời sai?

- A. Không sa vào tệ nạn xã hội
- B. Sống có trách nhiệm với gia đình
- C. Không ham những thú vui không lành mạnh
- D. Đề cao chủ nghĩa cá nhân

Câu 14: Câu nói: “Gia đình là tế bào của xã hội” nói về điều gì?

- A. Vai trò quan trọng của gia đình đối với xã hội.
- B. Mục đích của gia đình.
- C. Đặc điểm của gia đình.
- D. Tính chất của gia đình.

Câu 15: Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, đoàn kết với xóm giềng và làm tốt nghĩa vụ công dân được gọi là:

- A. Gia đình vui vẻ.
- B. Gia đình đoàn kết.
- C. Gia đình hạnh phúc.
- D. Gia đình văn hóa.

Câu 16: Ô nhiễm môi trường có ảnh hưởng chủ yếu đến đối tượng nào?

- A. Con người
- B. Cây nhựa giải
- C. Quạt cầm tay
- D. Nhà cửa

Câu 17: Tác nhân chủ yếu gây ra ô nhiễm môi trường là:

- A. sự thay đổi của khí hậu.
- B. các điều kiện bất thường của ngoại cảnh, lũ lụt, thiên tai.
- C. tác động của con người.
- D. do các loài sinh vật trong quần xã sinh vật tạo ra.

Câu 18: Thời xưa, chỉ có con trai mới được đi học còn con gái phải ở nhà cõm nước. Điều kiện đó đến ngày nay có được công nhận là gia đình có văn hóa không?

- A. Có, vì chỉ có con trai mới đủ sức khỏe đi học.
- B. Tuỳ điều kiện.
- C. Không, vì nam và nữ bình đẳng.
- D. Có, vì con gái yêu đuối nên chỉ phù hợp với việc nhà.

Câu 19: Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến ô nhiễm nguồn nước?

- A. Khí thải của các phương tiện giao thông.
- B. Nước thải không được xử lí.
- C. Tiếng ồn của các loại động cơ.
- D. Động đất.

Câu 20: Xây dựng gia đình văn hóa có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?

- A. Xây dựng xã hội văn minh tiến bộ.
- B. Xây dựng xã hội tươi đẹp.
- C. Xây dựng xã hội lành mạnh.
- D. Xây dựng xã hội phát triển.

II- TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1. Em hãy nêu các tiêu chuẩn của gia đình văn hoá? (3đ)

Câu 2. Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khoẻ và đời sống người dân Hà Nội? (2đ)

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ
NĂM HỌC 2023-2024

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm 02 trang)

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: CÔNG NGHỆ 6**

Thời gian: 45 phút
Ngày thi: 19/12/2023

Mã đề thi 600

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Phương pháp đông lạnh có thể bảo quản thực phẩm trong khoảng thời gian:

- A. 15 ngày - 20 ngày. B. 1 ngày - 2 ngày.
C. 3 ngày - 7 ngày. D. Vài tuần - vài tháng

Câu 2. Tìm nhu cầu dinh dưỡng trong 1 ngày của gia đình: Bố 2934 kcal, mẹ 2154 kcal, con 1470 kcal là:

- A. 3279 kcal B. 6558 kcal C. 4846 kcal D. 2186 kcal

Câu 3. Nhóm phương pháp nào sau đây không phải là phương pháp chế biến thực phẩm?

- A. Ướp và làm khô B. Xào và muối chua
C. Rán và trộn dầu giấm D. Rang và nướng

Câu 4. Ngô, thóc thường được bảo quản bằng phương pháp nào?

- A. Bảo quản làm khô B. Bảo quản đông lạnh
C. Bảo quản làm lạnh D. Bảo quản ướp

Câu 5. Iotdine có nhiều trong thực phẩm nào?

- A. Hạt họ đậu nảy mầm B. Bưởi, cam
C. Thịt lợn, thịt gà D. Các loại hải sản, rong biển

Câu 6. Tìm tổng nhu cầu dinh dưỡng gia đình cho 1 bữa ăn biết bố 2634 kcal, mẹ 2212 kcal, con thứ nhất 2110 kcal, con thứ hai 1470 kcal là:

- A. 8426 kcal B. 2106,5 kcal C. 2808,7 kcal D. 4846 kcal

Câu 7. Là thành phần dinh dưỡng để cấu trúc cơ thể và giúp cơ thể phát triển tốt là vai trò của nhóm thực phẩm nào?

- A. Vitamin B. Chất đạm
C. Chất tinh bột, chất đường D. Chất khoáng

Câu 8. Nhóm thực phẩm giàu chất đạm gồm:

- A. Xoài, táo, nho. B. Tôm, cá, cua
C. Mật ong, kẹo. D. Cơm, bún, bánh mì

Câu 9. Khoảng cách hợp lý giữa các bữa ăn trong ngày là:

- A. 4 - 5 giờ B. 7 - 8 giờ C. 3 giờ D. 6 - 7 giờ

Câu 10. Chất dinh dưỡng nào trong thực phẩm dễ bị hao tổn nhiều trong quá trình chế biến?

- A. Chất béo B. Chất đạm
C. Tinh bột D. Vitamin

Câu 11. Điền từ còn thiếu vào ô trống: “.....là tên gọi dành cho những người chế biến các món ăn ở các nhà hàng, khách sạn, quán ăn.”

- A. Giáo viên B. Bác sĩ
C. Đầu bếp D. Nhân viên văn phòng

Câu 12. Trang phục có vai trò nào sau đây?

- A. Che chở cho con người.
B. Bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết.

- C. Góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.
D. Che chở, bảo vệ con người khỏi tác hại của thời tiết và góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.

Câu 13. Theo giới tính, người ta chia trang phục thành:

- A. Trang phục hè và trang phục đông
B. Trang phục nam, trang phục nữ
C. Trang phục trẻ em, trang phục thiếu nhi
D. Trang phục thể thao, trang phục lễ hội.

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây thể hiện bề ngoài của trang phục, thể hiện tính thẩm mỹ, tính đa dạng của trang phục?

- A. Chất liệu
B. Kiểu dáng
C. Màu sắc
D. Chất liệu, kiểu dáng, màu sắc

Câu 15. Hãy cho biết đâu là trang phục?

- A. Giày
B. Thắt lưng
C. Quần áo
D. Giày, thắt lưng, quần áo

Câu 16. Loại vải nào được dệt bằng các sợi có nguồn gốc từ thiên nhiên?

- A. Vải sợi thiên nhiên
B. Vải sợi hóa học
C. Vải sợi pha
D. Vải nhung

Câu 17. Em hãy cho biết, loại vải nào được dệt bằng các loại sợi có nguồn gốc từ than đá, dầu mỏ?

- A. Vải sợi thiên nhiên
B. Vải sợi nhân tạo
C. Vải sợi tổng hợp
D. Vải nhung

Câu 18. Loại vải nào có ưu điểm độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát và ít nhăn?

- A. Vải sợi nhân tạo
B. Vải sợi tổng hợp
C. Vải sợi pha
D. Vải sợi thiên nhiên

Câu 19. Tại sao phải tìm hiểu đặc điểm của trang phục?

- A. Để lựa chọn trang phục
B. Để sử dụng trang phục
C. Để bảo quản trang phục
D. Để lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục

Câu 20. Với phương pháp làm lạnh, thực phẩm được bảo quản trong thời gian bao lâu?

- A. Trên 7 ngày
B. Vài tháng
C. Từ 3 đến 7 ngày
D. Vài tuần

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Quần áo có thể được làm từ các loại vải nào? Em hãy nêu đặc điểm của các loại vải đó?

Câu 2 (2 điểm): Em hãy trình bày một số phương pháp bảo quản thực phẩm?

Câu 3 (1 điểm): Em hãy xây dựng thực đơn một bữa ăn tối cho gia đình của mình đảm bảo đủ chất dinh dưỡng và phù hợp với các thành viên?

(Học sinh làm bài ra giấy kiểm tra)

I- TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Hãy ghi vào giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Khi hòa chất nào trong các chất dưới đây vào nước ta thu được huyền phù?

- A. Muối B. Dầu ăn C. Sữa bột D. Đường

Câu 2. Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

- A. Rau xanh. B. Thịt. C. Gạo. D. Gạo và rau xanh.

Câu 3. Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

- A. 6. B. 2. C. 8. D. 4.

Câu 4. Biện pháp sử dụng nguyên liệu nào không phù hợp tiêu chí an toàn, hiệu quả đảm bảo phát triển bền vững là?

- A. Đổi mới công nghệ khai thác, chế biến B. Thu gom và tái chế nguyên liệu đã qua sử dụng
C. Khai thác nguyên liệu triệt để D. Kiểm soát, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

Câu 5. Trong các bệnh viện, bác sĩ thường cho những bệnh nhân bị hôn mê hay có vấn đề về đường hô hấp thở bằng khí oxygen. Ứng dụng đó dựa vào tính chất nào sau đây của oxygen:

- A. Oxygen duy trì sự sống B. Oxygen duy trì sự cháy
C. Oxygen là khí không mùi D. Oxygen ít tan trong nước

Câu 6. Mười tế bào sau khi trải qua 1 lần sinh sản sẽ tạo ra tất cả bao nhiêu tế bào con?

- A. 4 tế bào. B. 20 tế bào. C. 8 tế bào. D. 16 tế bào.

Câu 7. Càng lên cao, không khí sẽ có:

- A. Ít oxygen hơn B. Nhiều oxygen hơn
C. Lượng oxygen giống nhau D. Lượng oxygen khác nhau

Câu 8. Quá trình nào sau đây xảy ra nhờ sự sinh trưởng và sinh sản của tế bào?

- A. Quả bóng to lên khi được bơm hơi.
B. Gấu bông phồng lên sau khi được nhồi thêm bông.
C. Quả táo trên cây to lên sau nhiều ngày đậu quả.
D. Áo phao phồng lên sau khi lấy ra khỏi túi hút chân không.

Câu 9. Trong quá trình quang hợp, đa số cây xanh đã thải ra khí gì?

- A. Khí Carbondioxide. B. Khí Hydrogen.
C. Khí nitrogen. D. Khí oxygen.

Câu 10. Cây trồng nào sau đây không được xem là cây lương thực?

- A. lúa mì. B. Lúa gạo. C. Ngô. D. Mía.

Câu 11. Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

- A. Cây bạch đàn B. Xe ô tô. C. Ngôi nhà D. Cây cầu.

Câu 12. Cho các vật thể: áo sơ mi, bút chì, đôi giày, viên kim cương. Vật thể chỉ chứa một chất duy nhất là:

- A. Viên kim cương. B. Bút chì. C. Áo sơ mi. D. Đôi giày.

Câu 13. Phát biểu nào dưới đây về quá trình lớn lên và phân chia của tế bào thực vật là đúng ?

- A. Phân chia tế bào không phải là nhân tố giúp thực vật sinh trưởng và phát triển.
B. Khi tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định thì sẽ xảy ra quá trình phân chia.
C. Sau mỗi lần phân chia, từ một tế bào mẹ sẽ tạo ra 3 tế bào con giống hệt mình.
D. Sự phân tách chất tế bào là giai đoạn đầu tiên trong quá trình phân chia.

Câu 14. Gạo sẽ cung cấp chất dinh dưỡng nào nhiều nhất cho cơ thể?

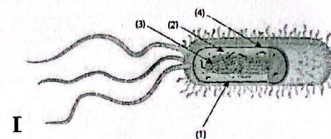
- A. Carbohydrate (chất đường, bột). B. Lipid (chất béo).
C. Vitamin. D. Protein (chất đạm).

Câu 15. Khi hoà tan đường vào nước, khuấy đều đến khi đường tan hết thì ta được dung dịch đường. Trong dung dịch này thì dung môi là:

- A. Nước B. Nước đường C. Ethanol D. Đường
 Câu 16. Phương tiện giao thông nào sau đây **không** gây hại cho môi trường không khí?
 A. Ô tô. B. Tàu hoả. C. Máy bay. D. Xe đạp.

Câu 17. Chú thích số 3 trong hình bên về tế bào vi khuẩn là:

- A. Màng tế bào B. Nhân tế bào
 C. Màng nhân D. Vùng nhân
 Câu 18. Trộn các chất nào sau đây sẽ tạo thành dung dịch?
 A. Muối và cát B. Dầu ăn và nước C. Dấm ăn và nước



Câu 19. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Trong thành phần của ngô, khoai, sắn không chứa tinh bột
 B. Bảo quản thực phẩm không đúng cách làm giảm chất lượng thực phẩm
 C. Tất cả các thực phẩm (thịt, cá, trứng, rau, quả...) phải nấu chín mới được sử dụng.
 D. Thực phẩm bị biến đổi tính chất vẫn sử dụng được

Câu 20. Trong một lần sơ ý, một bạn học sinh đã trộn lẫn chai dầu hỏa và chai nước tạo thành hỗn hợp dầu hỏa lẫn nước. Cách tách riêng dầu hỏa và nước?

- A. Lọc B. Dùng máy ly tâm C. Chiết D. Cô cạn
 Câu 21. Một tế bào sau khi trải qua 4 lần sinh sản liên tiếp sẽ tạo ra tất cả bao nhiêu tế bào con?
 A. 16 tế bào. B. 4 tế bào. C. 12 tế bào. D. 8 tế bào.

Câu 22. Chất nào sau đây tan nhiều trong nước nóng?

- A. Khí carbon dioxide B. Nến C. Muối ăn. D. Dầu ăn.

Câu 23. Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được:

- A. Huyền phù B. Dung môi C. Nhũ tương D. Dung dịch

Câu 24. Cách làm nào sau đây không giảm thiểu được tình trạng gây ô nhiễm không khí?

- A. Tăng cường sử dụng các phương tiện cá nhân như ô tô, xe máy
 B. Hạn chế các nguồn gây ô nhiễm không khí như bụi, rác thải ... do xây dựng.
 C. Trồng nhiều cây xanh.
 D. Xây dựng các hệ thống xử lý khí thải gây ô nhiễm môi trường.

Câu 25. Dây gồm các nguyên liệu trong tự nhiên?

- A. Đất, quặng, dầu mỏ B. Đất, đá, nhựa
 C. Đất, thủy tinh, dầu mỏ. D. Thủy tinh, gốm, gỗ

Câu 26. Vì sao mưa axit có thể làm hư hại các tượng đá vôi ngoài trời?

- A. Vì đá vôi có tính chất xốp nên dễ bị hao mòn
 B. Vì đá vôi tan trong acid, tạo bọt khí
 C. Vì đá vôi là chất rắn.
 D. Vì đá vôi dễ ngấm nước

Câu 27. Tế bào động vật **không** có những thành phần nào dưới đây?

- A. Thành tế bào, lục lạp. B. Thành tế bào, ribosome.
 C. Lục lạp. D. Ribosome, lục lạp.

Câu 28. Không khí bao gồm các khí:

- A. Oxygen, nitrogen, hydrogen, carbon dioxide.
 B. Oxygen, nitrogen, carbon dioxide, hơi nước và một số khí khác.
 C. Oxygen, nitrogen, carbon dioxide và một số khí khác.
 D. Oxygen, nitrogen, hydrogen và một số khí khác.

II- TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. (0,5 đ): Nhiên liệu là gì? Nhiên liệu tồn tại ở những thể nào lấy ví dụ?

Câu 2. (1 đ): Em hãy nêu nguyên nhân dẫn đến ngộ độc thực phẩm và các biện pháp để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm?

Câu 3. (0,5 đ): Làm thế nào để tách muối ra khỏi hỗn hợp cát và muối?

Câu 4. (1 đ): Tế bào của cây phân chia 7 lần liên tiếp thành 640 tế bào. Hỏi có bao nhiêu tế bào được phân chia?

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ
NĂM HỌC 2023 – 2024

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: TIN HỌC 6

Thời gian: 45 phút

Ngày thi: 25/12/2023

Mã đề thi 600

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM (10 điểm)

Viết vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.
- B. Internet là một trang mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.
- C. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.
- D. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 2. Để kết nối với internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. người quản trị mạng máy tính.
- B. người quản trị mạng xã hội.
- C. nhà cung cấp dịch vụ internet.
- D. một máy tính khác.

Câu 3. Phát biểu nào không đúng khi hỏi về internet?

- A. Một mạng kết nối các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin.
- B. Một mạng công cộng không thuộc sở hữu hay do bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành.
- C. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.
- D. Một mạng kết nối các máy tính với nhau được tổ chức và giám sát bởi một cơ quan quản lý.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của internet?

- A. Phạm vi hoạt động trên toàn cầu.
- B. Nhiều dịch vụ đa dạng và phong phú.
- C. Không thuộc quyền sở hữu của ai.
- D. Thông tin chính xác tuyệt đối.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây không phải là lợi ích của việc sử dụng internet đối với học sinh?

- A. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.
- B. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa học trực tuyến.
- C. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội với và chơi điện tử suốt cả ngày.
- D. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

Câu 6. World Wide Web là gì?

- A. Một trò chơi máy tính.
- B. Một phần mềm máy tính.
- C. Một hệ thống các webside trên internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.
- D. Tên khác của internet.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây là đúng về WWW và thư viện?

- A. Cả hai đều có một thủ thư hoặc chuyên gia chuyên nghiệp luôn túc trực để trả lời các câu hỏi của độc giả.
- B. Cả hai đều cung cấp tin tức và thông tin cập nhật từng phút.
- C. Cả hai đều đóng cửa sau giờ hành chính.
- D. Cả hai đều tạo môi trường cho người sử dụng có thể sử dụng sách báo, tạp trí.

Câu 8. Trong trang web, liên kết hay siêu liên kết là gì?

- A. Là một thành phần trong trang web trở đến vị trí khác trên cùng trang web đó hoặc trở đến một trang web khác.

- B. Là nội dung được thể hiện trên trình duyệt.
- C. Là địa chỉ của một trang web.
- D. Là địa chỉ thư điện tử

Câu 9. Mỗi website bắt buộc phải có

- A. tên cá nhân hoặc tổ chức sở hữu.
- B. một địa chỉ truy cập.
- C. địa chỉ trụ sở của đơn vị sở hữu.
- D. địa chỉ thư điện tử.

Câu 10. Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang Web trên internet gọi là gì?

- A. Trình duyệt Web.
- B. Địa chỉ Web.
- C. Website.
- D. Công cụ tìm kiếm.

Câu 11. Trong các tên sau đây, tên nào không phải là tên của trình duyệt web?

- A. Internet Explorer.
- B. Google Chrome.
- C. Mozilla Firefox.
- D. Windows Explorer.

Câu 12. Địa chỉ trang web nào sau đây là hợp lệ?

- A. <http://www.tienphong.vn>
- B. [www \\\ tienphong.vn](http://www.tienphong.vn)
- C. <https://haiha002@gmail.com>
- D. <http \\\ www.tienphong.vn>

Câu 13. Nếu bạn đang xem một trang web và bạn muốn quay lại trang trước đó bạn sẽ nháy chuột vào nút nào trên trình duyệt?

- A. ←
- B. Home
- C. →
- D. X

Câu 14. Nút Home trên trình duyệt web có nghĩa là:

- A. Xem lại trang hiện tại.
- B. Quay về trang liền trước.
- C. Đi đến trang liền sau.
- D. Quay về trang chủ.

Câu 15. Cách nhanh nhất để tìm thông tin trên WWW mà không biết địa chỉ là

- A. hỏi địa chỉ người khác rồi ghi ra giấy, sau đó nhập địa chỉ vào thanh địa chỉ.
- B. nhờ người khác tìm hộ.
- C. đi chuyển lần theo đường liên kết của các trang web.
- D. sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm với từ khóa.

Câu 16. Máy tìm kiếm là gì?

- A. Một chương trình bảo vệ máy tính khỏi virus.
- B. Một chương trình sắp xếp dữ liệu trên máy tính của bạn.
- C. Một động cơ cung cấp sức mạnh cho internet.
- D. Một website đặc biệt hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm thông tin trên internet.

Câu 17. Từ khóa là gì

- A. là từ mô tả chiếc chìa khóa.
- B. là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp.
- C. là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định trước.
- D. là một biểu tượng trong máy tìm kiếm

Câu 18. Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?

- A. Google.
- B. Word.
- C. Windows Explorer.
- D. Excel.

Câu 19. Để tìm kiếm thông tin về virus Corona, em sử dụng từ khóa nào sau đây để Thu hẹp phạm vi tìm kiếm nhất?

- A. Corona
- B. Virus Corona
- C. "Virus Corona"
- D. "Virus"+"Corona"

Câu 20. Kết quả của việc tìm kiếm bằng máy tính là

- A. danh sách tên tác giả các bài viết có chứa từ khóa tìm kiếm.
- B. danh sách các liên kết trỏ đến trang Web có chứa từ khóa tìm kiếm.
- C. danh sách trang chủ của các website có liên quan
- D. nội dung của một trang web có chứa từ khóa tìm kiếm.

Câu 21. Kết quả tìm kiếm thông tin bằng máy tìm kiếm có thể hiện dưới dạng

- A. văn bản.
- B. hình ảnh.
- C. video.
- D. cả A, B, C.

Câu 22. Đặc điểm nào sau đây không phải là ưu điểm của thư điện tử?

- A. Gửi và nhận thư nhanh chóng.

- B. Ít tốn kém.
- C. Có thể gửi và nhận thư mà không gặp phiền phức gì.
- D. Có thể gửi kèm tệp.

Câu 23. Địa chỉ thư điện tử có dạng:

- A. Tên đăng nhập @ địa chỉ máy chủ thư điện tử.
- B. Tên đường phố @ viết tắt của tên quốc gia.
- C. Tên người sử dụng & tên máy chủ của thư điện tử.
- D. Tên đường phố # viết tắt của tên quốc gia.

Câu 24. Địa chỉ thư điện tử bắt buộc phải có kí hiệu nào?

- A. \$
- B. &
- C. @
- D. #

Câu 25. Địa chỉ nào sau đây là địa chỉ thư điện tử?

- A. www.nxbgd.vn.
- B. thu_hoai.432@yahoo.com.
- C. Hoangth@hotmail.com.
- D. Hoa675439@gf@gmail.com.

Câu 26. Khi đăng kí thành công một tài khoản thư điện tử, em cần nhớ gì để có thể đăng nhập vào lần sau?

- A. Tên đăng nhập và mật khẩu hộp thư.
- B. Tên nhà cung cấp dịch vụ internet.
- C. Ngày tháng năm sinh đã khai báo.
- D. Địa chỉ thư của những người bạn.

Câu 27. Khi đặt mật khẩu cho thư điện tử của mình, em nên đặt mật khẩu như thế nào để đảm bảo tính bảo mật?

- A. Mật khẩu là dãy số từ 0 đến 9.
- B. Mật khẩu có ít nhất năm kí tự và có đủ các kí tự như chữ hoa, chữ thường, chữ số.
- C. Mật khẩu là ngày sinh của mình.
- D. Mật khẩu giống tên của địa chỉ thư.

Câu 28. Với thư điện tử, phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Một người có thể gửi thư cho chính mình ở cùng địa chỉ thư điện tử.
- B. Tệp tin đính kèm theo thư có thể chứa virus, vậy nên cần kiểm tra độ tin cậy trước khi tải về.
- C. Hai người có thể có địa chỉ thư điện tử giống hệt nhau.
- D. Có thể gửi một thư cho nhiều người cùng lúc.

Câu 29. Em cần biết thông tin gì của người mà em muốn gửi thư điện tử cho họ?

- A. Địa chỉ nơi ở.
- B. Mật khẩu thư.
- C. Loại máy tính đang dùng.
- D. Địa chỉ thư điện tử.

Câu 30. Em chỉ nên mở thư điện tử được gửi đến từ

- A. Những người em biết và tin tưởng.
- B. Những người em không biết.
- C. Các trang web ngẫu nhiên.
- D. Những người có tên rõ ràng.

Câu 31. Mạng không dây được kết nối bằng:

- A. Bluetooth
- B. Cáp điện
- C. Cáp quang
- D. Sóng điện từ, bức xạ hồng ngoại...

Câu 32. Thư điện tử có hạn chế nào dưới đây so với các hình thức gửi thư cũ.

- A. Không đồng thời gửi được cho nhiều người.
- B. Thời gian gửi thư lâu.
- C. Phải phòng tránh virus, thư rác
- D. Chi phí thấp.

Câu 33. Em nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?

- A. Cho bạn bè biết mật khẩu nếu quên còn hỏi bạn.
- B. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ.
- C. Thay mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết.
- D. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên.

Câu 34. Em truy cập trang mạng để xem tin tức thì ngẫu nhiên xem được một video có hình ảnh bạo lực mà em rất sợ. Em nên làm gì?

- A. Đóng video lại và tiếp tục xem tin tức coi như không có chuyện gì.
- B. Chia sẻ cho bạn bè để dọa các bạn.
- C. Thông báo cho cha mẹ và thầy cô giáo về điều đó.
- D. Mở video đó và xem.

Câu 35. Em nhận được tin nhắn và lời mời kết bạn trên Facebook từ một người mà em không biết. Em sẽ làm gì?

- A. Chấp nhận yêu cầu kết bạn và trả lời tin nhắn ngay.
- B. Nhắn tin hỏi người đó là ai, để xem mình có quen không, nếu quen mới kết bạn.
- C. Vào Facebook của họ đọc thông tin, xem ảnh xem có phải người quen không, nhắn tin hỏi thông tin người đó, sau đó mới cân nhắc việc đồng ý kết bạn.
- D. Không chấp nhận kết bạn và không trả lời tin nhắn.

Câu 36. Khái niệm về Internet?

- A. Internet là mạng máy tính.
- B. Internet là mạng không dây.
- C. Internet là mạng liên kết toàn cầu.
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 37. Để mở một hộp thư điện tử em cần đáp ứng gì?

- A. Chỉ cần có internet
- B. Có điện thoại thông minh.
- C. Cần có tài khoản và mật khẩu
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 38. Để mở một hộp thư điện tử em cần đáp ứng gì?

- A. Chỉ cần có internet
- B. Có điện thoại thông minh.
- C. Cần có tài khoản và mật khẩu
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 39. Em hãy xác định xem thư nào có thể là thư rác trong các thư điện tử với tiêu đề như sau:

- A. Quà tặng miễn phí, hãy nhấp chuột nhanh.
- B. Ảnh tập thể lớp ngày khai giảng.
- C. Tài liệu ôn tập học kỳ 1
- D. Danh sách học sinh giỏi bộ môn Tin học.

Câu 40. World Wide Web là gì ?

- A. Một trò chơi máy tính.
- B. Một phần mềm máy tính.
- C. Tên khác của Internet.
- D. Một hệ thống các website trên Internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.

Chúc các em làm bài tốt!

Tiết 36: KIỂM TRA THỂ THAO TỰ CHỌN

I/ MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU:

1. MỤC ĐÍCH:

Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau thời gian học tập.

2. YÊU CẦU:

- Học sinh thực hiện tốt kỹ thuật.
- Học sinh bình tĩnh, tự tin đạt kết quả cao.

II/ ĐỀ KIỂM TRA: TTTC (CẦU LÔNG)

- Thực hiện kỹ thuật phát cầu thuận tay (trái tay)
- Thực hiện kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (bên trái)

III/ BIỂU ĐIỂM;

1. Xếp loại đạt (Đ):

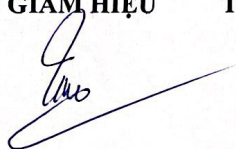
- Thực hiện tương đối đúng kỹ thuật phát cầu thuận tay, phát chéo ô và qua lưới. Thành tích: Nam: 05 quả qua lưới. Nữ: 03 quả qua lưới.
- Thực hiện tương đối đúng kỹ thuật đánh chuyển cầu kết hợp thấp tay bên phải (bên trái).

2. Xếp loại Chưa đạt “CĐ”: Các trường hợp còn lại.

BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG CM

NHÓM TRƯỞNG CM



Nguyễn Ngọc Lan

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Kim Anh